TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HS-ST
Ngày: 19-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Phượng;

Ông Bùi Tấn Đạt.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Thị Thanh T, sinh năm 1986, tại: Nam Định; Căn Cước Công Dân: 083186003639; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phạm Thị Nhiều (đã chết) Cha (không rõ); Chồng Trần Nam NH, có 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2024 cho đến nay, có mặt.

Bị hại:

- Bà Công Thị Kim O, sinh năm 1997; địa chỉ: Số X tổ 24, khu phố 3, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Hoàng Phương D, sinh năm 1997; địa chỉ: Số X đường V, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thanh T và chị Công Thị Kim O, sinh năm 1997, cư trú tại 736/6, tổ 24, khu phố 3, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có quan hệ là bạn bè và sống cùng dãy trọ thuộc khu phố 3, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 13 giờ ngày 11/7/2014, T đi sang phòng trọ của chị Công Thị Kim O tại số 736/6 tổ 24, khu phố 3, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để xin ớt về ăn cơm thì nhìn thấy O và Nguyễn Hoàng Phương D, sinh năm 1997, cư trú tại số 54, đường Văn Công Khai, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là bạn của O đang ngủ. Đồng thời, T nhìn thấy 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen, viền vỏ màu hồng và một máy tính bảng hiệu Ipad 32GB màu bạc đang cắm sạc trên giường. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động Iphone 4 và một máy tính bảng hiệu Ipad 32GB để đem bán lấy tiền tiêu xài. Tuy NHên, T nhìn thấy chị O thức dậy nên T quay về phòng. Sau đó, T phát hiện chị O cũng đi ra khỏi phòng đến quán cà phê trước khu nhà trọ. Lúc này, T lén lút quay lại phòng của chị O lấy chiếc điện thoại di động Iphone 4 và một máy tính bảng hiệu Ipad đem về phòng trọ cất giấu. Khoảng 05 phút sau, chị O về phòng trọ thì phát hiện các tài sản trên bị mất còn chị D vẫn đang ngủ nên chị O dùng điện thoại di động khác gọi vào số điện thoại di động của mình thì nghe có tiếng rung của điện thoại bên trong phòng của T. Chị O yêu cầu T mở cửa để kiểm tra nhưng T không đồng ý. Do không được T cho vào phòng để tìm điện thoại nên chị O đến Công an phường Phú Thọ trình báo sự việc trên.

Tại thời điểm Công an phường Phú Thọ tiến hành kiểm tra phòng trọ của Trần Thị Thanh T thì phát hiện chiếc điện thoại di động Iphone 4 màu đen viền vỏ màu hồng và một máy tính bảng hiệu Ipad màu bạc đang nằm trong máy giặt trong phòng trọ của T với tình trạng đã bị hư hỏng do thấm nước. Công an phường Phú Thọ đã lập biên bản tạm giữ tang vật đồng thời mời T về trụ sở công an phường để ghi nhận sự việc. Quá trình làm việc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 15/7/2014, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một định giá đối với tài sản là điện thoại di động Iphone 4 màu đen viền vỏ màu hồng và một máy tính bảng hiệu Ipad màu bạc. Ngày 31/7/2014, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Bản kết luận định giá tài sản số 178/KLĐGTS, kết luận: 01 (một) điện thoại di động Iphone 4 màu đen viền vỏ màu hồng có giá là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad 32GB màu bạc trị giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng). (Bút lục số 28)

Do Trần Thị Thanh T đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng nên Công an thành phố Thủ Dầu Một ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 135, ngày 08/8/2014 đối với bị cáo T. Tuy NHên, bị cáo T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày 21/10/2024 thì bị bắt theo biên bản bắt người đang bị truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Ngày 08/8/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen, viền vỏ màu hồng tình trạng không

hoạt động được và 01 máy tính bảng hiệu Ipad 32GB màu bạc tình trạng không hoạt động được cho bị hại O, D. Bị hại D, O sau khi nhận lại tài sản không có ý kiến gì khác.

Ngày 24/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có văn bản yêu cầu trưng cầu định giá lại tài sản đúng theo quy định pháp luật. Ngày 15/01/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một định giá đối với tài sản là điện thoại di động Iphone 4 màu đen viền vỏ màu hồng và một máy tính bảng hiệu Ipad màu bạc. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 15/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 Iphone 4 màu đen viền vỏ màu hồng đen (tài sản thu hồi được) trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad 32GB màu bạc (tài sản thu hồi được) trị giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại thời điểm xảy ra vụ án ngày 11/7/2014. (Bút lục số 83)

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 10/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thị Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Thanh T đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T mức hình phạt từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Về trách NHệm dân sự: Do sau khi nhận lại tài sản bị hại Công Thị Kim O và Nguyễn Thị Phương D chưa có yêu cầu và hiện tại không rõ bị hại O, D ở đâu nên sẽ giải quyết khi bị hại có yêu cầu theo thủ tục tố tụng dân sự bằng một vụ án khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát Bị cáo Trần Thị Thanh T không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của bị hại Công Thị Kim O và Nguyễn Thị Phương D: Hiện nay, theo biên bản xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố Thủ Dầu Một, bà Công Thị Kim O và Nguyễn Thị Phương D đã bán nhà đi khỏi địa phương, hiện nay không rõ đi đâu làm gì. Do quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã tiến hành ghi nhận lời khai của bị hại D, O. Ngày 08/8/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã tiến hành giao trả tài sản cho bị hại D, O. Do hiện tại không rõ bị hại O, D ở đâu nên trách NHệm dân sự và bồi thường thiệt hại sẽ giải quyết khi bị hại có yêu cầu theo thủ tục tố tụng dân sự bằng một vụ án khác.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thanh T đã khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 11/7/2014, tại phòng trọ của chị Công Thị Kim O tại số 736/6 tổ 24, khu phố 3, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Thị Thanh T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen, viền vỏ màu hồng và 01 máy tính bảng hiệu Ipad 32GB màu bạc trị giá 8.000.000^{đ} (Tám triệu đồng) của bị hại Công Thị Kim O, Nguyễn Thị Phương D để đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 chưa có hiệu lực thi hành; tuy NHên, đến thời điểm truy tố và xét xử thì Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nên được áp dụng, vì có lợi cho bị cáo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Bị cáo đủ năng lực chịu trách NHệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Sau khi phạm tội bị cáo cố tình bỏ trốn gây khó khăn cho việc truy tố, xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách NHệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách NHệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản đã được thu hồi, trả lại cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách NHệm hình sự, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và trách NHệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2024.

2. Về trách NHệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Thanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương